TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 113/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30-11-2021.
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Mỡn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Du.

2. Ông Sơn Thanh Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 284/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2021 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 203/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị **Trương Thị Kim H** – sinh năm: 1976 (có mặt).

- Bị đơn: anh **Đặng Văn U** – sinh năm: 1970 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: ấp C, xã T, huyện V, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trương Thị Kim H trình bày:

Vào năm 2002, chị H và anh U chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, do mai mối, có tổ chức đám cưới, được cha mẹ hai bên thừa nhận, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M ngày 09/10/2002.

Sau ngày cưới vợ chồng sống tại ấp C, xã T, huyện V. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh U thường hay ghen tuông và không quan tâm, chăm sóc vợ con, vợ chồng có mâu thuẫn về kinh tế nên cự cải, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay.

Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với anh Đặng Văn U.

- Về con chung: vợ chồng có một con chung là cháu Đặng Anh K – sinh ngày 03/03/2003 đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, và cháu Đặng Thị Huyền T – sinh ngày 12/01/2008, hiện đang sống chung với chị H. Khi ly hôn chị H yêu cầu nuôi dưỡng con chung là cháu T, chị không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và các khoản nợ phải thu, phải trả: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đặng Văn U trình bày:

Hôn nhân giữa anh U và chị H hình thành trên cơ sở tự nguyện do mai mối, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới vào năm 2002 và có đăng ký kết hôn vào ngày 09/10/2002 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh V.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì hết đến năm 2019 thì vợ chồng có mâu thuẫn về kinh tế nên bất đồng quan điểm sống chị Hoa về sinh sống ở thị trấn C, huyện M cho đến nay, anh U và chị H đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay.

Nay anh U không đồng ý ly hôn với chị H, xin đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái.

- Về con chung: Vợ chồng có con chung tên Đặng Anh K - sinh ngày 03/03/2003 đã thành niên, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết và cháu Đặng Thị Huyền T - sinh ngày 12/01/2008 hiện sống chung với chị H, nếu trường hợp Tòa án giải quyết khi ly hôn anh U đồng ý giao cháu T cho chị H nuôi dưỡng, anh U không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và các khoản nợ phải thu, phải trả: Anh U không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

-Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh con (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng**: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

[2] **Về hôn nhân**: Mối quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị Kim H và anh Đặng Văn U là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chị H trình bày do anh U không quan tâm vợ con, thường hay ghen tuông, vợ chồng có mâu thuẫn về kinh tế nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Tại phiên toà chị H vẫn giữ yêu cầu ly hôn, anh U không đồng ý ly hôn xin đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin đoàn tụ của anh U là tốt, tuy nhiên anh chị đã sống chung một thời gian dài cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không cải thiện được, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài không ai quan tâm đến nhau. Anh U không đưa ra được giải pháp đoàn tụ. Tại phiên tòa chị H không đồng ý đoàn tụ vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh U. Do vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh U, xét chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị Trương Thị Kim H ly hôn với anh Đặng Văn U là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] **Về con chung**: chị Trương Thị Kim H và anh Đặng Văn U thống nhất xác định có hai người con chung là:

+ Cháu Đặng Anh K - sinh ngày 03/03/2003 đã thành niên, nên chị H và anh U thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Cháu Đặng Thị Huyền T - sinh ngày 12/01/2008 hiện sống chung với chị H. Khi ly hôn chị H yêu cầu nuôi dưỡng cháu T.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện cháu Trân đang sống với chị H, cuộc sống của cháu đang ổn định, sức khỏe bình thường, cháu Trân có nguyện vọng muốn được sống với chị H nếu cha mẹ ly hôn, anh U đồng ý giao cháu Trân cho chị H nuôi dưỡng. Do vậy tiếp tục giao cháu T cho chị Trương Thị Kim H nuôi dưỡng là phù hợp phù hợp theo Điều 81 luật hôn nhân và gia đình.

Chị Trương Thị Kim H không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu Đặng Thị Huyền T, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] **Về tài sản chung và các khoản nợ chung phải thu, phải trả**: chị Trương Thị Kim H và anh Đặng Văn U không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] **Án phí dân sự sơ thẩm**: Buộc chị Trương Thị Kim H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

1/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Kim H.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trương Thị Kim Hoa được ly hôn với anh Đặng Văn U.

- Về nuôi con chung:

+ Cháu Đặng Anh K - sinh ngày 03/03/2003 đã thành niên, chị Trương Thị Kim H và anh Đặng Văn U thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Giao con chung cháu Đặng Thị Huyền T - sinh ngày 12/01/2008 cho chị Trương Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Đặng Văn U không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung của vợ chồng và các khoản nợ phải thu, phải trả: chị Trương Thị Kim H và anh Đặng Văn U thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trương Thị Kim H phải nộp án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) về việc giải quyết hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0007763 ngày 14/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Trương Thị Kim H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đặng Văn U không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND huyện Vũng Liêm;*
- *Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;*
- *UBND xã C;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Nguyễn Thị Kim Mỡn